

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/HSST**

Ngày: 18/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Đình

2. Ông Lò Văn Măng

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Th - Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/TLST- HS ngày 20 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh H.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 10/10/1987, tại tỉnh Điện Biên;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 13, xã L, huyện Đ, tỉnh B;

Chỗ ở: Tổ 3, pH T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo Không

Nghề nghiệp: Trồng trọt;

Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông;

Con ông Trần Hữu T và con bà Phạm Thị Th

Anh chị em ruột: Có 03 người, bị can là con thứ nhất trong gia đình;

Chồng: Lưu Xuân Y - Sinh năm 1988 (Đã ly hôn);

Con: Có 01 con, sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Trần Thị Thanh H bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2019, tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố Đ cho đến ngày xét xử, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1953; Địa chỉ: Số nhà 1098, tổ 01, pH M, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 02, pH M, thành phố Đ, tỉnh B; (vắng mặt)
2. Bà Dương Thị Th – Sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 11, pH M, thành phố Đ, tỉnh B; (vắng mặt)
3. Chị Nguyễn Thị Thu Th1 – Sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 06, pH H, thành phố Đ, tỉnh B; (vắng mặt)
4. Chị Lê Thị L1 – Sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 284, tổ 6, pH N, thành phố Đ, tỉnh B; (vắng mặt)
5. Ông Phạm Duy N1 – Sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 4, pH Tr, thành phố Đ, tỉnh B; (vắng mặt)
6. Bà Phạm Thị Th2 – Sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 3, pH T, thành phố Đ, tỉnh B; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trần Thị Thanh H đến trông trẻ thuê tại nhà chị Nguyễn Thị Lệ, ở tổ dân phố 01, pH M, thành phố Đ. Khoảng 12 giờ ngày 06/11/2019, H từ nhà chị Lệ sang bếp nhà bà Nguyễn Thị C (mẹ chị Lệ, hai nhà thông với nhau), thấy không có ai, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, liền mở ngăn kéo trên cùng của tủ nhựa kê ở bếp, thấy bên trong có chiếc hòm tôn kích thước 20x15cm không khóa, liền lén lút lấy trộm chiếc hộp nhựa vàng bạc Minh Châu màu tím trong đó có: 01 dây cH vàng 6,5 chỉ, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ, 01 miếng vàng 10 chỉ và 01 miếng vàng 0,5 chỉ có tổng trị giá 89.250.000 đồng mang giấu vào trong túi áo khoác ở nhà vệ sinh của chị Lệ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H lấy toàn bộ số vàng đựng trong hộp nhựa cất vào ví của mình, rồi mượn xe mô tô của chị Lệ đi đến cửa hàng mua bán vàng bạc Ngọc Tuyền, ở tổ 03, pH T, thành phố Đ, H lấy chiếc nhẫn 05 chỉ nói dối là vàng của mình rồi đổi và bán cho chị Nguyễn Thị H được 01 dây cH vàng 03 chỉ cùng số tiền 8.070.000 đồng. Sau đó H đi đến hiệu vàng Kim Thủy, ở tổ 02, pH T, thành phố Điện Biên Phủ; bán toàn bộ số vàng trộm cắp còn lại cho chị Dương Thị Th, Lê Thị L1 và Nguyễn Thị Thu Th1, là nhân viên của hiệu vàng được 63.030.000 đồng. khi bán H nói dối là “vàng của bà nhờ bán để đưa ông đi Hà Nội khám bệnh”, số tiền bán vàng trộm cắp H đã mua 01 chiếc điện thoại Iphone 7Plus, cho Phạm Duy N1 vay 30.000.000 đồng và chi tiêu hết. Sau khi mua vàng của H, các hiệu vàng đã bán đi, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 08/CT - VKSNDTPĐBP ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đ để xét xử

bị cáo Trần Thị Thanh H về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H từ **2 năm 6 tháng đến 3 năm tù**. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn người bị hại thể hiện đã được bồi tH toàn bộ tài sản bị cáo trộm cắp người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi tH gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội không oan sai, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ ngày 06/11/2019, H từ nhà chị Lệ sang bếp nhà bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ chị Lệ, hai nhà thông với nhau), thấy không có ai, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, liền mở ngăn kéo trên cùng của tủ nhựa kê ở bếp, thấy bên trong có chiếc hòm tôn không khóa, liền lén lút lấy trộm chiếc hộp nhựa vàng bạc Minh Châu đựng 01 dây cH vàng 6,5 chỉ, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ, 01 miếng vàng 10 chỉ và 01 miếng vàng 0,5 chỉ có tổng trị giá là 89.250.000 đồng

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Trần Thị Thanh H là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn thành

phổ Đ. Hành vi của bị cáo và giá trị tài sản bị cáo trộm cắp đã phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản c Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

... c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Qua phân xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa thể hiện nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo Trần Thị Thanh H phạm tội là do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, bị cáo lợi dụng sơ hở đã lén lút, bí mật trộm cắp tài sản có tổng trị giá 89.250.000 đồng của bà Nguyễn Thị C, bán lấy tiền chi tiêu. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp với lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tác động gia đình bồi tH cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, để thể hiện C sách pháp luật khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội là giáo dục cải tạo hơn là trừng trị, HĐXX áp dụng hình phạt được mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 BLHS đối với bị cáo

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện lao động, học tập, cải tạo sửa chữa lỗi lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt

tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi tH vàng cho người bị hại, người bị hại đã nhận được đầy đủ và không yêu cầu bị cáo bồi tH gì thêm. Do vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ngày 19/11/2019 bà Phạm Thị Th2 (mẹ bị cáo) đã tự N1 bồi tH cho người bị hại 22 chỉ vàng, bà Th2 không yêu cầu bị cáo trả lại số vàng bà Th2 đã trả cho bị hại thay bị cáo. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Các vấn đề khác: Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bị cáo 01 ví giả da màu đen; 01 dây ch, 01 đôi hoa tai đều bằng kim loại màu vàng; 01 điện thoại Iphone; 01 giấy chứng minh nhân dân; anh N1 đã tự N1 giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 30.000.000 đồng H cho vay. Ngày 09/12/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số tài sản, tiền và giấy chứng minh nhân dân đã tạm giữ cho bà Phạm Thị Th2 (người được bị cáo ủy quyền nhận hộ).

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Thanh H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh H 18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (24/11/2019).
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.
4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.
6. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/02/2020); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- CQCSĐT CATP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- CQCSĐT CATP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 18 tháng 02 năm 2020.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân thành phố Đ, tỉnh B.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân 1. Bà **Lò Thị Đình**

2. Ông **Lò Văn Măng**

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày: 10/10/1987, tại tỉnh Điện Biên;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 13, xã L, huyện Đ, tỉnh B;

Chỗ ở: Tổ 3, pH T, thành phố Đ, tỉnh B;

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TH1 LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, do bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

3. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Thanh H** phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

4. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thanh H 18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (24/11/2019).

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

5. Trách nhiệm dân sự: không đề cập giải quyết

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị Thanh H phải chịu **200.000 (Hai trăm nghìn)** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

7. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/02/2020); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

8. Hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố và xét xử đều hợp pháp, kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: không.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ phút, ngày 18 tháng 02 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh DB;
- CQCSĐT CATP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh DB;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Số: 49/HSST

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Điện Biên Phủ, ngày 22 tháng 8 năm 2019

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày: 21/5/1987, tại Điện Biên;
Nơi ĐKKHKT: Tổ 24, pH T, thành phố Đ, tỉnh B;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Không;
Trình độ văn hóa: 9/12 phổ thông;
Con ông Bùi Đình Minh và con bà Nguyễn Thị Hồng;
Bị cáo có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;
Bị cáo chưa có vợ, con;

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Thanh H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (03/4/2019).
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.
4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.
5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2019), những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

THẨM PHÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, ngày 22 tháng 8 năm 2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ

Kính gửi: **UBND pH T, thành phố Đ, tỉnh B**

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đã xét xử vụ án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày: 21/5/1987, tại Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Tổ 24, pH T, thành phố Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12 phổ thông;

Con ông Bùi Đình Minh và con bà Nguyễn Thị Hồng;

Bị cáo có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Bị cáo chưa có vợ, con.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Thanh H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (03/4/2019).

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2019), những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên thông báo cho chính quyền xã, ph-òng, thị trấn nơi bị cáo c- trú và sinh hoạt đ-ợc biết.

Nơi nhận:

- Nh- kính gửi;

- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Thị Tám